

Tuần 04, 30/01/2026

Thị trường điều chỉnh mở ra cơ hội mới

Tiêu điểm:

- Ngày 28/1, sau phiên họp chính sách kéo dài 2 ngày, Fed quyết định giữ nguyên lãi suất tham chiếu tại 3.5-3.75%.
- Trong ngày 29/01, giới truyền thông Trung Quốc đưa tin Trung Quốc đã bãi bỏ các giới hạn vay nợ đối với doanh nghiệp bất động sản, được biết đến với tên gọi chính sách “ba lần ranh đỏ”.
- Ngày 26/01, Thủ tướng Phạm Minh Chính chỉ đạo trong tháng 2 phải đưa vào vận hành sàn giao dịch vàng, thí điểm vận hành sàn giao dịch tài sản mã hóa
- Toàn văn Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 26/1/2026 của Chính phủ triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài.

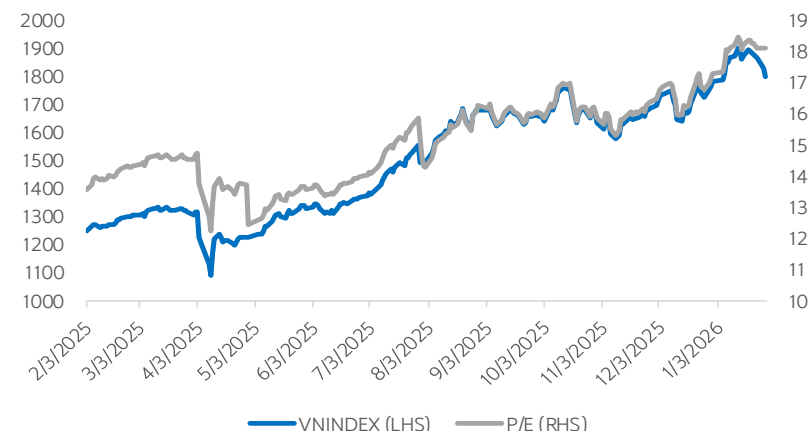
Đánh giá: Thị trường có diễn biến phân hóa sau nhịp bật tăng trở lại tại vùng 1,800. Chúng tôi cho rằng thị trường đang trong nhịp tăng cơ hội mua mới xuất hiện khi thị trường điều chỉnh. Những thông tin vĩ mô trong và ngoài nước vẫn đang tiếp tục hỗ trợ thị trường. Cụ thể, thông tin về Trung Quốc gỡ bỏ giới hạn lần ranh đỏ mở ra cơ hội cho nhu cầu phục hồi nhóm bất động sản, hỗ trợ cho nhu cầu thép. Nghị quyết 17 tiếp tục hỗ trợ cho các nhóm ngành bất động sản, hạ tầng, xây dựng và năng lượng tái tạo.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,829.04 điểm (+14.06 điểm; +0.77%) với thanh khoản cải thiện nhẹ. Xu hướng chính vẫn là tăng, và thị trường đang có nhịp bật lại sau nhịp chỉnh ngắn về vùng 1,800 điểm. Thanh khoản có thể duy trì thấp do cận tết. Hỗ trợ tham chiếu là vùng 1,800, vùng kháng cự là 1,900.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tham gia với nhóm chứng khoán, thép cho vị thế lâu dài khi nhóm này vẫn chưa được dòng tiền chú ý. Bên cạnh đó, nhóm khu công nghiệp đang có động lượng tốt hơn, phù hợp cho xu hướng đầu tư đánh ngắn và trung hạn.

D? li?u th? trư?ng tu?n	% Thay đ?i					Đ?nh giá		
Tên ch? s?	Giá đóng c?a	1W	1M	3M	YTD	Xu hư?ng	P/E	P/B
VN-Index	1,829	-2.2	3.5	9.6	2.5		17.6	2.2
Upcom Index	129	1.6	6.9	13.8	6.7	#N/A N/A	2.1	27
HNX Index	256	1.3	2.2	-4.1	3.0		21.7	1.4
VN30 Index	2,030	-2.3	1.0	5.4	0.0		17.3	2.4
S&P 500 Index	6,969		1.1	2.1	1.8		27.8	5.6
STOXX Europe 600 Index	609	0.2	2.9	6.1	3.0		17.4	2.4
Hang Seng	27,387	2.4	5.9	4.2	6.9		14.2	1.5
Nikkei 225	53,323	-1.0	5.9	3.9	5.9		22.6	2.6
SHCOMP Index	4,118							1.6
STI Index	4,908	0.3	5.4	10.6	5.6		15.3	1.6
KOSPI Index	5,224	4.7	24.0	27.8	24.0		22.6	1.7

Ngu?n: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

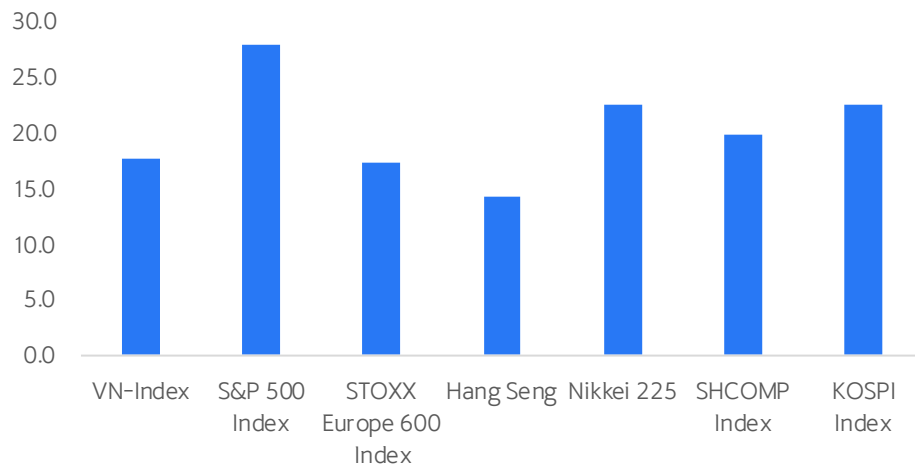


Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.4	4.3	17.8	2.8	-16.4	-14.8	16.8	-19.7	57.2	-2.6	16.9	2.6	7,694,072
Mid Cap	0.1	2.1	-1.4	3.3	-2.7	-10.8	12.7	-14.7	26.7	2.7	14.6	1.3	526,260
Small Cap	-0.6	-2.5	-2.3	-2.0	-13.2	-20.1	9.4	-24.1	16.1	-0.1	17.2	0.7	65,539

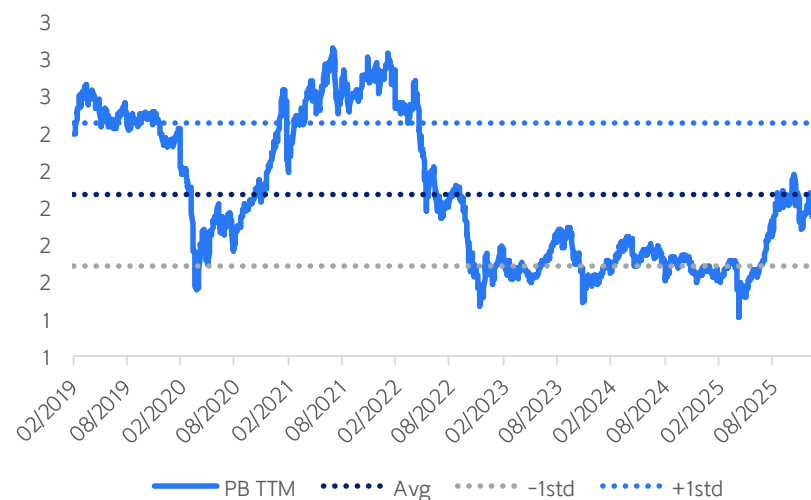
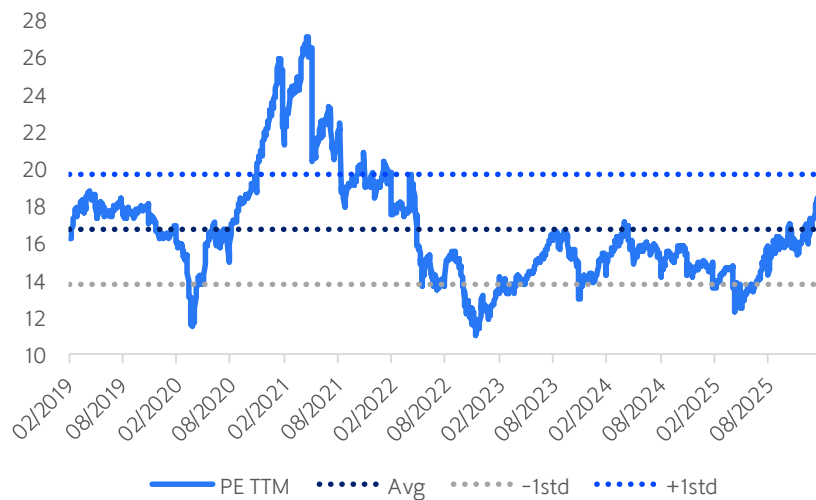
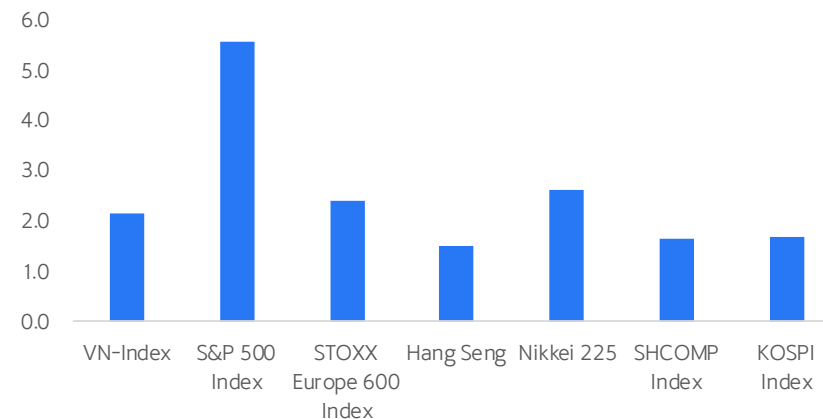
Theo ngành	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tiện ích	10.2	34.3	51.2	32.0	7.0	0.3	33.5	-4.5	8.2	1.5	24.8	2.8	429,868
Dầu khí	8.6	43.5	50.2	42.2	-7.5	5.6	159.2	-4.9	2.4	0.1	58.0	2.5	204,234
Bán lẻ	8.2	6.9	14.9	7.1	-15.8	-9.8	3.3	-14.6	1.6	-0.1	37.3	4.8	185,904
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.6	19.0	19.5	17.9	-25.2	-30.2	18.5	-31.3	3.2	-0.5	12.9	2.0	69,862
Hóa chất	4.0	30.2	18.1	32.6	-14.8	-2.8	29.3	-6.7	4.6	-0.1	18.4	2.2	253,580
Thực phẩm và đồ uống	3.3	6.7	10.0	8.4	8.9	-9.7	8.4	-13.7	7.9	1.5	17.4	2.7	474,097
Công nghệ Thông tin	3.1	7.7	-0.6	9.4	-19.3	15.5	56.0	8.2	4.7	-0.4	19.3	4.1	195,165
Ô tô & Phụ tùng	1.3	-2.2	-2.8	0.9	-39.6	-40.1	-25.7	-42.8	0.2	-0.1	23.3	1.3	17,460
Dược và Y tế	1.1	4.4	5.4	4.5	60.7	22.1	53.9	16.0	2.1	1.0	18.3	2.3	42,010
Truyền thông	0.5	3.7	2.2	6.9	3.6	31.9	218.7	18.1	3.4	0.5	18.7	1.5	2,872
Tài nguyên cơ bản	0.3	1.6	2.5	3.6	-14.6	-25.4	8.2	-29.7	8.2	-0.2	17.1	1.6	250,077
Ngân hàng	0.3	10.2	12.3	10.9	-13.1	-13.2	23.2	-18.6	17.4	-0.1	11.2	1.9	2,845,817
Tài chính	-0.9	7.1	9.8	11.3	-16.2	-18.7	10.6	-23.2	14.3	-0.6	17.7	2.0	399,954
Xây dựng và vật liệu	-1.2	1.0	-4.4	1.8	-13.8	-28.4	-25.5	-30.2	4.8	-0.1	17.8	1.6	146,637
Bảo hiểm	-2.7	14.3	20.0	18.4	-28.5	-18.7	61.3	-25.4	0.4	-0.1	6.9	2.0	65,785
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-4.4	-8.0	-1.6	-5.0	-21.0	-22.2	-15.4	-25.9	6.8	-0.7	18.5	2.4	251,670
Du lịch và Giải trí	-4.7	-3.0	3.4	-7.1	-18.9	-21.2	23.2	-25.5	0.2	0.0	26.6	7.8	350,306
Bất động sản	-12.1	-10.7	20.4	-16.1	-25.7	-27.6	-2.4	-31.5	9.6	-1.7	26.6	3.1	1,957,031

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	20,370.2	68,828.5	96,225.2
Ấn độ	101.2	-3,459.9	-3,459.9	-3,459.9
Indonesia	-739.3	-497.5	-497.5	-497.5
Nhật Bản*	2,107.3	15,660.1	796.4	15,660.1
Mayaysia	35.4	291.5	291.5	291.5
Hàn Quốc	-1,088.4	391.5	1,920.9	391.5
Sri Lanka	-2.1	-16.4	-16.4	-16.4
Đài Loan	2,179.4	3,427.9	3,427.9	3,427.9
Thái Lan	36.8	168.4	168.4	168.4
Việt Nam	-83.1	-238.7	-238.7	-238.7

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,729	2.1	3.5	-67.5	-560.0
Nước ngoài	1,882	1.3	17.4	-66.6	-431.0
VanEck Vectors Vietnam ETF	642	0.0	39.7	48.1	2.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	440	-1.8	-28.1	-60.6	-382.5
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	371	3.1	8.1	4.8	-28.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	222	0.0	-2.2	-58.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	-0.7	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	847	0.9	-13.9	-0.9	-129.1
DCVFMVN Diamond ETF	535	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	241	0.5	-13.4	-2.2	-117.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	22	0.4	0.4	1.8	-2.8
MAFN VN30 ETF	34	0.0	-0.5	-1.0	-6.9
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	-0.1	0.2	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.0	-0.2	0.3	-0.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

QTD: từ đầu quý

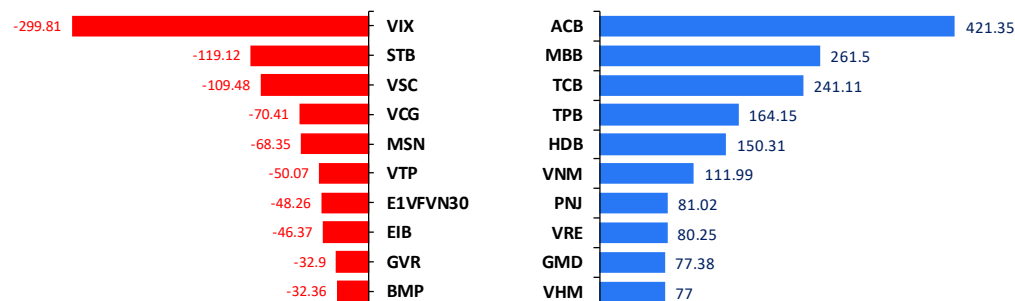
YTD: từ đầu năm

WEEKLY SNAPSHOT

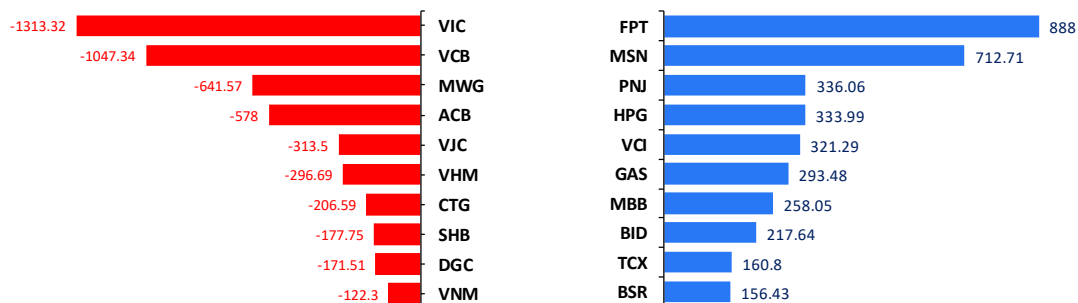
Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

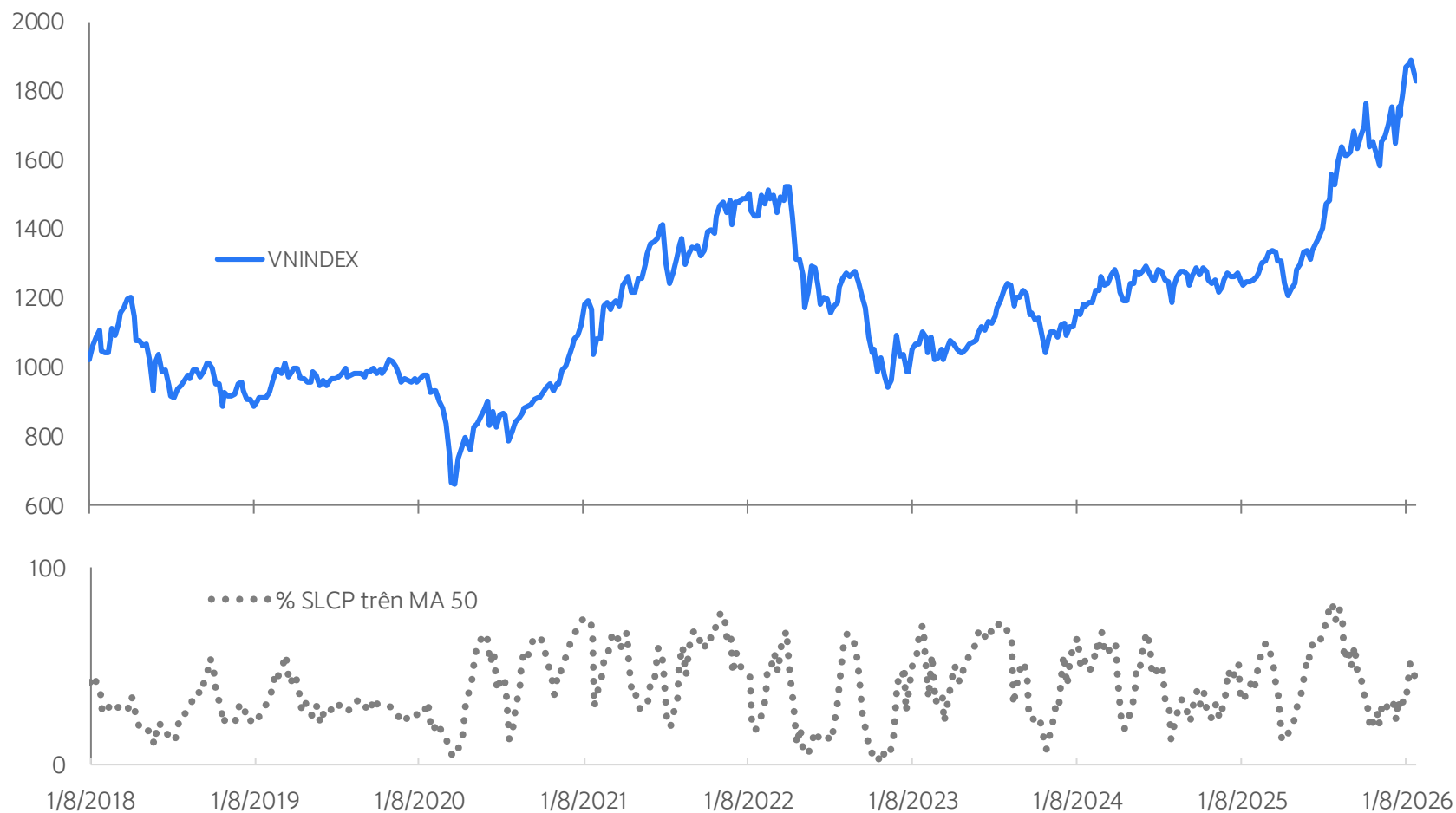
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	277	-2,023	608	1,415
Tài nguyên Cơ bản	39	339	-53	-286
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-57	-38	-388	426
Y tế	-2	8	-4	-4
Hóa chất	-14	-63	-34	97
Dịch vụ tài chính	-325	75	-255	180
Du lịch và Giải trí	35	-329	-17	346
Ngân hàng	1,344	-1,673	-248	1,921
Xây dựng và Vật liệu	-85	-100	-48	148
Thực phẩm và đồ uống	22	646	-410	-236
Bán lẻ	-3	-471	457	14
Điện, nước & xăng dầu khí	-8	364	-454	90
Hàng cá nhân & Gia dụng	81	331	-299	-32
Công nghệ Thông tin	29	896	-566	-329
Ô tô và phụ tùng	0	-19	20	-1
Bảo hiểm	0	85	-39	-47
Dầu khí	-20	192	-312	119
Tổng	1,313	-1,780	-2,042	3,822

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	43	Neutral	Neutral	DXG	41	Neutral	Weak	BVH	58	Strong	Strong	HPG	50	Neutral	Neutral	GEX	36	Weak	Weak
MBB	59	Neutral	Strong	NVL	52	Neutral	Weak	BMI	50	Too hot	Strong	NKG	48	Neutral	Neutral	VSC	46	Neutral	Neutral
HDB	52	Neutral	Strong	DIG	44	Neutral	Weak	BIC	66	Weak	Weak	HSG	48	Neutral	Neutral	PVT	57	Neutral	Strong
VPB	45	Neutral	Neutral	VRE	42	Weak	Weak	VIX	45	Neutral	Weak	SMC	61	Strong	Strong	GMD	62	Strong	Strong
MSB	48	Neutral	Neutral	PDR	43	Neutral	Weak	SSI	49	Neutral	Neutral	CII	41	Neutral	Weak	HAH	43	Neutral	Weak
TCB	53	Neutral	Strong	VIC	37	Weak	Weak	VND	41	Weak	Weak	HHV	36	Weak	Weak	GEE	38	Weak	Weak
EIB	39	Weak	Weak	KDH	36	Weak	Weak	VCI	59	Strong	Strong	VCG	25	Weak	Weak	VOS	49	Neutral	Neutral
ACB	43	Neutral	Neutral	VHM	39	Weak	Weak	HCM	48	Neutral	Neutral	PCI	56	Neutral	Strong	APH	44	Neutral	Weak
TPB	50	Neutral	Neutral	TCH	42	Neutral	Weak	TCX	73	Strong	Strong	FCN	39	Weak	Weak	VTP	49	Neutral	Strong
STB	67	Strong	Strong	KBC	48	Neutral	Neutral	ORS	62	Strong	Strong	VGC	64	Strong	Strong	SBG	32	Weak	Weak
CTG	55	Neutral	Strong	HDG	53	Strong	Weak	VDS	60	Strong	Strong	DPG	64	Strong	Strong	REE	48	Neutral	Neutral
VIB	48	Neutral	Neutral	HDC	45	Neutral	Weak	FTS	49	Neutral	Neutral	CTD	52	Neutral	Neutral	PAC	48	Neutral	Neutral
SSB	40	Neutral	Neutral	NLG	44	Neutral	Weak	CTS	38	Weak	Weak	CTR	53	Neutral	Strong	TV2	50	Neutral	Neutral
VCB	61	Neutral	Strong	DXS	31	Weak	Weak	BSI	48	Neutral	Neutral	HT1	37	Weak	Weak	TCM	41	Neutral	Neutral
NAB	38	Neutral	Neutral	NTL	42	Weak	Weak	TCI	45	Neutral	Weak	CTI	62	Strong	Strong	TLG	49	Neutral	Neutral
OCB	43	Neutral	Neutral	SIP	67	Too hot	Strong	TVB	35	Weak	Weak	BMP	45	Neutral	Neutral	PNJ	84	Too hot	Strong
BID	71	Too hot	Strong	SZC	59	Strong	Strong	DSE	54	Neutral	Neutral					MSH	56	Neutral	Neutral
LPB	43	Neutral	Weak	BCM	48	Weak	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	59	Strong	Strong	PVD	61	Strong	Strong	MSN	67	Strong	Strong	YEG	49	Neutral	Strong	VPL	49	Neutral	Neutral
SAM	46	Neutral	Neutral	BSR	69	Too hot	Strong	VNM	60	Strong	Strong	DCL	80	Too hot	Strong	VJC	38	Weak	Weak
ELC	51	Neutral	Strong	PLX	72	Too hot	Strong	DBC	53	Neutral	Neutral	DBD	75	Strong	Strong	HVN	47	Neutral	Neutral
CMG	57	Neutral	Strong	POW	51	Neutral	Strong	BAF	40	Weak	Neutral	TNH	64	Strong	Strong	SCS	51	Neutral	Neutral
MWG	67	Strong	Strong	NT2	64	Neutral	Strong	SAB	50	Neutral	Neutral	JVC	47	Neutral	Weak	VNG	50	Neutral	Neutral
DGW	66	Too hot	Strong	GAS	73	Too hot	Strong	ANV	62	Strong	Strong					HAX	52	Neutral	Neutral
PET	43	Weak	Weak	GEG	50	Neutral	Neutral	VHC	67	Too hot	Strong					DRC	45	Neutral	Neutral
FRT	71	Too hot	Strong	PPC	50	Neutral	Neutral	MCH	20	Weak									

Danh sách theo dõi						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	FPT	104.5	112	96	7.2%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
2	PHR	64.3	74	NA	15.1%	Kì vọng tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi việc chuyển đổi đất cao su sang khu công nghiệp. Giá và thanh khoản có dấu hiệu cải thiện rõ nét trên MA 50
3	DCM	36.6	NA	36	NA	Kì vọng bật tăng tại hỗ trợ mở ra cơ hội mua mới. Nhóm ngành phân bón được hưởng lợi nhờ chính sách thuế VAT đầu ra và giá phân bón kì vọng neo cao

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HVX	Xây dựng và Vật liệu	2.17 - 3.76	2.2	-22.2%
2	PMG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.50 - 49.25	7.5	-17.4%
3	VCG	Xây dựng và Vật liệu	16.71 - 29.10	19.2	-16.0%
4	VIC	Bất động sản	19.93 - 190.00	140.5	-15.1%
5	VHM	Bất động sản	37.60 - 150.90	106.0	-13.5%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.5%	80.8	52.80 - 83.80	Ô tô và phụ tùng	VVS
26.5%	43.0	12.20 - 110.30	Xây dựng và Vật liệu	MDG
24.9%	2.7	1.77 - 3.96	Bất động sản	DRH
16.1%	117.0	49.32 - 122.80	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	GAS
15.5%	2.7	23.55 - 35.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TDP

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BXH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.10 - 20.30	11.1	-24.0%
2	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.40 - 63.80	46.1	-20.5%
3	HHC	Thực phẩm và đồ uống	95.00 - 149.70	120.2	-19.7%
4	MED	Y tế	20.40 - 28.60	20.4	-18.4%
5	ITQ	Tài nguyên Cơ bản	2.20 - 3.70	2.8	-15.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
37.0%	31.5	9.75 - 51.30	Tài nguyên Cơ bản	BKC
31.3%	34.0	11.40 - 34.00	Xây dựng và Vật liệu	KDM
27.0%	38.6	24.40 - 42.80	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC
21.6%	9.0	4.40 - 10.00	Công nghệ Thông tin	ONE
21.1%	15.5	9.53 - 17.20	Tài nguyên Cơ bản	AMC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TAB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.30 - 25.10	10.9	-39.4%
2	HMG	Tài nguyên Cơ bản	5.80 - 16.20	5.8	-37.6%
3	LG9	Xây dựng và Vật liệu	4.60 - 7.90	4.6	-36.1%
4	PHS	Tiêu dùng không thiết yếu	8.20 - 15.80	10.2	-32.5%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	5.10 - 21.90	5.1	-30.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
100.0%	28.4	2.60 - 28.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VES
63.7%	109.7	14.20 - 114.40	Dịch vụ tài chính	TIN
62.5%	270.0	95.20 - 290.40	Dịch vụ tài chính	DCV
52.3%	140.1	65.00 - 140.10	Y tế	TTD
45.2%	24.4	14.00 - 32.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CCS

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	VVS	Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam	Ô tô và phụ tùng	21,307.3	396.0	80.8	3.65 – 5.73	7.3
2	VAB	Ngân hàng Việt Á	Ngân hàng	30,423.3	297.7	11.3	9.82 – 14.90	0.9
3	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	40,419.4	171.8	14.3	7.19 – 17.00	5.9
4	VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	285,650.4	132.9	19.2	16.71 – 29.10	-16.0
5	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14,461.8	101.6	35.7	23.55 – 35.70	15.5
6	ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	81,999.9	95.6	28.6	12.40 – 34.50	6.1
7	OGC	Tập đoàn Đại Dương	Dịch vụ tài chính	5,868.5	84.5	3.8	3.60 – 5.72	-11.0
8	TCX	Chứng khoán TCBS	Dịch vụ tài chính	250,503.3	78.4	56.5	42.10 – 56.60	1.6
9	FIT	Tập đoàn F.I.T	Dịch vụ tài chính	5,886.7	53.3	4.7	3.84 – 6.01	-3.9
10	PVD	Khoan Dầu khí PVD Drilling	Dầu khí	289,431.8	45.3	31.0	16.60 – 31.70	12.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam – Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

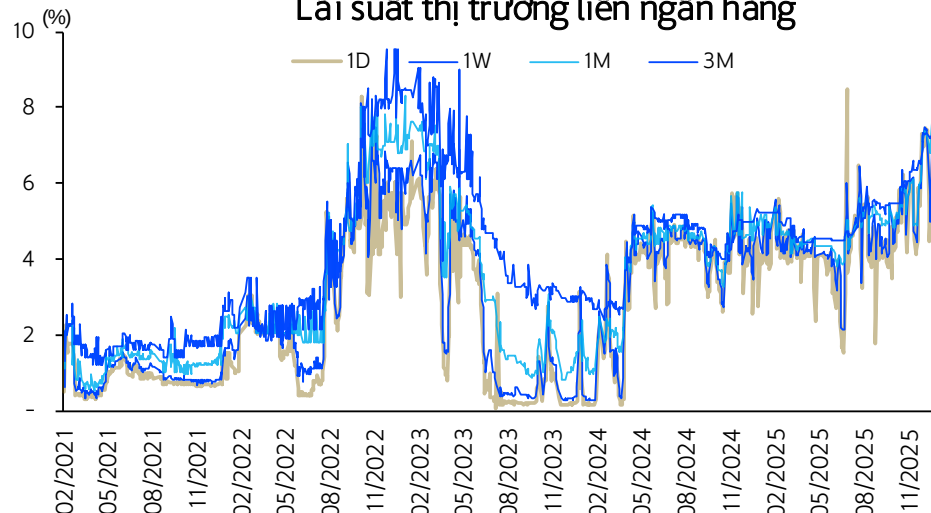
		Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dollar index	96.52	-1.1	-1.8	-3.0	-1.8	
	VND/USD	25,918	-1.2	-1.3	-1.6	-1.4	
	KRW/USD	1,441.60	-1.5	0.1	0.8	0.1	
	JPY/USD	154.15	-1.0	-1.4	0.0	-1.6	
	EUR/USD	0.84	-0.8	-1.5	-3.0	-1.5	
	SGD/USD	1.27	-0.4	-1.3	-2.5	-1.3	
	CNY/USD	6.95	-0.2	-0.7	-2.3	-0.5	

Hàng hóa

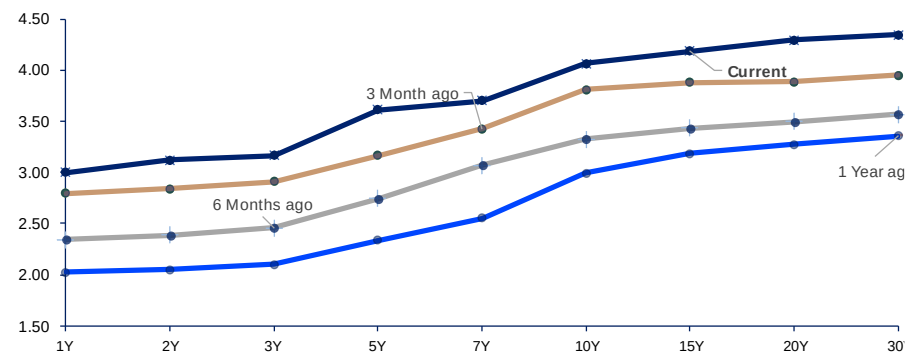
		Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dầu thô	64.91	6.3	12.0	7.2	13.0	
	Xăng	189.08	2.2	9.9	-5.6	10.9	
	Gas	3.88	-26.4	-2.2	-1.8	5.3	
	Than	108.60	-0.9	0.6	4.5	1.0	
	Vàng	5,063.22	1.5	16.7	25.8	17.2	
	Bạc	101.83	-1.3	33.5	108.1	42.1	
	Platinum	2,302.60	-17.1	5.6	43.3	11.7	
	Quặng sắt	105.77	-0.6	-1.2	0.1	-1.3	
	Thép cán	3,280.00	-0.1	0.1	-2.3	0.3	
	Lúa mì	540.75	2.1	5.9	3.1	6.7	
	Ngô	429.25	-0.3	-2.6	-0.2	-2.5	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.00	3.12	3.17	3.61	3.70	4.06	4.19	3.88	3.43
Thay đổi (WoW)	1.30	0.90	0.90	-0.30	-0.50	0.30	0.30	0.40	0.40

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.